

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2021/HS-ST

Ngày: 21-6-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh

Ông Nguyễn Trung Diễn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 309/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 302/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với:

**- Bị cáo:**

**Phan Văn P** (tên gọi khác không), sinh năm 1996, tại Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú: tổ 10, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Ph và bà Trương Thị H; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991, có 02 con sinh năm 2016, 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai. *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

**- Bị hại:** Anh Trịnh Hồng P, sinh năm 1978.

Nơi ở hiện nay: 14/6, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hà Trọng D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 12, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị Tâm, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 10, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(anh L, anh D, chị T vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/9/2020, anh Trịnh Hồng P, sinh năm 1978, ở tại 14/6, khu phố 10, phường T, thành phố B để xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 60F2-937.28 trong phòng khách rồi khóa cửa nhà đi ngủ. Đến khoảng 02 giờ ngày 03/9/2020 anh L tỉnh dậy thì phát hiện xe bị mất nên đã trình báo sự việc lên Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Ngày 12/9/2020, anh L phát hiện Phan Văn P là người rao bán trên mạng xã hội Facebook bán chiếc xe mô tô của anh với giá 60.000.000 đồng, nên anh L đã liên hệ và giả vờ mua chiếc xe trên thì P đồng ý và hẹn gặp P, P dẫn anh L đến tiệm cầm đồ “Dũng Tín” thuộc tổ 12, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai do anh Hà Trọng D, sinh năm 1985 làm chủ để P chuộc xe ra và giao dịch mua bán. Khi P vừa trả tiền chuộc xe thì bị bắt giữ. Quá trình điều tra xác định khoảng 10 giờ ngày 04/9/2021, P đã mua xe từ đối tượng tên Lê Thanh H, sinh năm 1989, ở tại 369B, ấp Ng, xã H, huyện Tr, tên gọi khác là (Gấu) và Cu Hàu (chưa rõ nhân thân lại lịch) với giá 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), khi mua xe P biết rõ xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 60F2-937.28 không có giấy tờ do Gấu và Cu Hàu đã trộm cắp được mà có nhưng vì ham rẻ nên P vẫn đồng ý mua để bán lại kiếm lời. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 60F2-937.28 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Phước L cho anh L là chủ sở hữu.

01 xe mô tô biển số 60F2-655.09, Phan Văn P mượn của chị Nguyễn Thị T, chị T không biết P mượn để đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị T là chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá tài sản số 452 ngày 13/10/2020 của hội đồng định giá ủy ban nhân dân thành phố B kết luận xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 60F2-937.28 có giá trị định giá tài sản là 79.475.000 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 335/CT-VKSBH ngày 20/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Phan Văn P về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### [1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

### [2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản lấy lời khai, hỏi cung bị cáo, bản tự khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 04/9/2020, Phan Văn P đã có hành vi tiêu thụ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sh, biển số 60F2-937.28 của đối tượng Lê Thanh H, sinh năm 1989, ở tại 369B, ấp Ng, xã H, huyện Tr, tên gọi khác là (Gấu) và Cu Hàu (chưa rõ nhân thân lại lịch) đã trộm cắp của anh Trịnh Hồng P có giá trị tài sản là 79.475.000 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) thì bị phát hiện xử lý theo quy định.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm, để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như sau:

Về nhân thân: Tháng 4/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện V xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại bị hại. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[4] Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 60F2-937.28 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Phước Lộc cho anh L là chủ sở hữu là phù hợp quy định pháp luật.

01 xe mô tô biển số 60F2-655.09, Phan Văn P mượn của chị Nguyễn Thị T, chị T không biết P mượn để đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với trình bày của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

[7] Các vấn đề khác: Đối với đối tượng tên Cu Hàu (chưa rõ lai lịch) và Lê Thanh Hoài, sinh năm 1989, địa chỉ: 369B, ấp Ng, xã H, huyện Tr, quá trình điều tra đã xác minh nhưng H không có mặt tại nơi cư trú, ngoài lời khai của P thì chưa làm việc được với H và Cu Hàu nên chưa đủ căn cứ để khởi tố xử lý đối với H và Cu Hàu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách vụ án trộm cắp tài sản ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các Điều 45, 46, 106, 135, 136, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều 509 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Xử phạt bị cáo: Phan Văn P 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, tổng hợp hình phạt đối với bản án số 55/2021/HSST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2021.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;  
Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quyên**





